

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020:

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 189/TĐĐN-KT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai về việc hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai, địa chỉ tại số 254 đường Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3 có địa chỉ tại xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Quang Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5701662152-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 01 năm 2024.
- 1.4. Mã số thuế: 5701662152-001
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm 1 theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/ND-CP.
- Tổng diện tích khoảng: 994.044,6 m² (trong đó phần diện tích thuộc tỉnh Đắk Nông là 532.701,6 m²; phần diện tích thuộc tỉnh Lâm Đồng là 461.343 m²).
- Công suất phát điện: 180 MW (gồm 02 tổ máy, mỗi tổ công suất 90 MW).
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước từ hồ chứa → Cửa lấy nước → Đường hầm dẫn nước → Tuabin (nước xả xuống hạ lưu sông Đồng Nai) → Máy phát điện → Máy biến áp → Trạm phân phối điện → Lưới điện quốc gia.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 23. tháng 3... năm 2032).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo

quy định của pháp luật hết hiệu lực từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (để phối hợp chỉ đạo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông;
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, G9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy, trạm phân phối, nhà bảo vệ nhà máy, nhà bảo vệ barie chính.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực cửa nhận nước, nhà bảo vệ đập tràn.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đồng Nai, đoạn chảy qua địa phận xã Bào Lâm, huyện Lộc Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Vị trí xả thải:

- Dòng nước thải số 01 có tọa độ: X = 1312826,8; Y = 513929,9.
- Dòng nước thải số 02 có tọa độ: X = 1312870,1; Y = 514002,3.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Dòng nước thải số 01: 6 m³/ngày.
- Dòng nước thải số 02: 350 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý tự chảy ra nguồn tiếp nhận, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả thải: Xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,2); QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 1,0 và K_l = 1,1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng nước thải số 01 (QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,2)				
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	TDS	mg/l	600	tượng	tượng
4	TSS	mg/l	60		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
11	Coliforms	MPN/100ml	3.000		
II Dòng nước thải số 02 (QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K _q = 1,0 và K _t = 1,1)					
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	33		
3	COD	mg/L	82,5		
4	TSS	mg/L	55		
5	Chì (Pb)	mg/L	0,11		
6	Crom VI	mg/L	0,055		
7	Crom III	mg/L	0,22		
8	Niken (Ni)	mg/L	0,22		
9	Sắt (Fe)	mg/L	1,1		
10	Cd	mg/L	0,055		
11	As	mg/L	0,055		
12	Hg	mg/L	0,0055		
13	Đồng (Cu)	mg/L	2,2		
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,5		
15	Sunfua	mg/L	0,22		
16	Tổng N	mg/L	22		
17	Tổng P	mg/L	4,4		
18	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,5		
19	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01, 02 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 01 để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 03 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 02 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải số 01 (hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể cân bằng → Bể lắng bùn → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể oxy hoá tiếp xúc sinh học → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 06 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh, chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải số 02 (hệ thống xử lý nước thải sản xuất):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể chứa nước thô, lắng tách dầu → Bể lọc thô → Bể tách dầu nước → Bể lọc than hoạt tính → Bể chứa nước sạch → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Cát, than hoạt tính (hoặc hóa chất, vật liệu khác tương đương)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết như máy thổi khí, máy bơm,... để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải trước khi tiếp quản công trình; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; đóng van xả nước thải; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới tiếp tục xả vào nguồn tiếp nhận.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất; nước thải được lưu chứa tại bể chứa nước thải để chờ khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới tiếp tục xả vào nguồn tiếp nhận.

- Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực máy biến áp.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng tại nhà máy.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng tại đập tràn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 tọa độ: X = 1312836,1; Y = 513987,23.
- Nguồn số 02 tọa độ: X = 1312810,33; Y = 514009,24.
- Nguồn số 03 tọa độ: X = 1312859,89; Y = 514004,21.
- Nguồn số 04 tọa độ: X = 1312967,5; Y = 514889,2.
- Nguồn số 5 tọa độ: X = 1313053,36; Y = 514950,18.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, mũi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Các thiết bị gây ồn lớn như tua bin, máy nén khí sẽ bố trí dưới các tầng hầm để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

1.2. Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng.

thay thế các chi tiết hao mòn.

1.3. Trang bị đầy đủ dụng cụ ồp tai chống ồn và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi tiếp xúc những nơi có độ ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giám thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	50
2	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni có chứa dung môi hữu cơ, cọ sơn, ru lỗ lẩn sơn	08 01 03	125
3	Giẻ lau, vật liệu lọc thải	18 02 01	40
4	Dầu Thủy lực thải	17 01 07	880
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	5.824
6	Chất thải có chứa linh kiện điện tử	15 01 09	3.300
7	Bộ lọc dầu ô tô, ống nhựa lọc dầu	15 01 02	20
8	Hộp mực máy in	08 02 04	5
Tổng khối lượng			10.244

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phế liệu sắt thép, nhôm, nhựa thanh lý	2.086,43
2	Sắt ống tái sử dụng	137
Tổng khối lượng		2.123,43

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 6,8 (tấn/năm).

1.4. Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: 0 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

Kho lưu chứa diện tích khoảng 30 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng nhựa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNII, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định số 2356/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm nội dung đánh giá tác động môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Do vậy, dự án, cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án "Công trình Thủy điện Đồng Nai 3" được phê duyệt tại Quyết định số 2356/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng dầu là DO) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Trong quá trình hoạt động, không được phép chôn, lấp, đổ, thải chất thải trái quy định ra môi trường.

5. Các hạng mục công trình của cơ sở chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.